

**BỘ TÀI CHÍNH
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG
KHOÁN TP.HCM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 352/QĐ-SGDHCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**BAN HÀNH QUY CHẾ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG
KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 599/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thành Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 21/2015/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số điều của Quyết định số 599/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11 tháng 5 năm 2007 chuyển Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thành Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm;

Căn cứ Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 2399/QĐ-BTC ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ công văn số 3137/UBCK-PTTT ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước về việc chấp thuận sửa đổi một số điều của Quy chế giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng quản trị Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông qua nội dung Quy chế giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Phòng Quản lý Thành viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2021 và thay thế Quyết định số 66/QĐ-SGDHCM ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 462/QĐ- SGDHCM ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi một số điều của Quy chế giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 67/QĐ-SGDHCM ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định thời gian giao dịch, biên độ dao động giá, đơn vị giao dịch, loại lệnh áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 894/QĐ-SGDHCM ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi Quy định thời gian giao dịch, biên độ dao động giá, đơn vị giao dịch, loại lệnh áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giám đốc phòng Quản lý Thành viên, Giám đốc các đơn vị thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN (để b/c);
- HĐQT, BKS (để b/c);
- CTCK, TCNY;
- TTLKCK, NHCĐTT;
- Lưu VT, TV ().

Lê Hải Trà

QUY CHẾ

GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Quyết định số 352/QĐ-SGDHCM ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về hoạt động giao dịch chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là SGDCK).

2. Đối tượng áp dụng của Quy chế này bao gồm:

- a) Nhà đầu tư;
- b) Thành viên giao dịch tại SGDCK;
- c) Tổ chức niêm yết;
- d) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Thành viên giao dịch tại SGDCK** là công ty chứng khoán được SGDCK chấp thuận trở thành Thành viên giao dịch (sau đây viết tắt là Thành viên).

2. **Giao dịch trực tuyến** là việc Thành viên sử dụng hệ thống giao dịch của mình kết nối trực tiếp với hệ thống giao dịch của SGDCK để thực hiện giao dịch chứng khoán theo các quy định hiện hành về giao dịch chứng khoán.

3. **Giá thực hiện** là giá chứng khoán được xác định từ kết quả khớp lệnh hoặc giá hình thành từ giao dịch thỏa thuận.

4. **Giá mở cửa** là giá thực hiện tại lần khớp lệnh đầu tiên trong ngày giao dịch.

5. **Giá đóng cửa** là giá thực hiện tại lần khớp lệnh cuối cùng trong ngày giao dịch. Trong trường hợp không có giá thực hiện trong ngày giao dịch, giá đóng cửa được xác định là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước đó.

6. **Ngày giao dịch không hưởng quyền** là ngày người mua sẽ không được hưởng các quyền do tổ chức niêm yết phát hành dành cho cổ đông hiện hữu.

7. **Giao dịch chứng khoán lô chẵn** (sau đây viết tắt là giao dịch lô chẵn) là giao dịch với khối lượng của lệnh là bội số của khối lượng chứng khoán tối thiểu (hay “đơn vị giao dịch”) nhưng không vượt quá khối lượng tối đa được quy định đối với một lệnh lô chẵn.

8. **Giao dịch chứng khoán lô lớn** (sau đây viết tắt là giao dịch lô lớn) là giao dịch với khối lượng chứng khoán bằng hoặc lớn hơn một khối lượng nhất định được quy định.

9. **Tỷ lệ chuyển đổi** cho biết số lượng chứng quyền có bảo đảm cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.

10. **Giá phát hành của chứng quyền có bảo đảm** là mức giá được tổ chức phát hành công bố tại Bản thông báo phát hành quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 107/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

11. **Ngày giao dịch cuối cùng của chứng quyền có bảo đảm** là ngày giao dịch trước hai (02) ngày giao dịch so với ngày đáo hạn của chứng quyền có bảo đảm. Các trường hợp chứng quyền bị hủy bỏ niêm yết (không bao gồm chứng quyền đáo hạn), ngày giao dịch cuối cùng của chứng quyền là ngày giao dịch liền trước ngày hủy bỏ niêm yết chứng quyền có hiệu lực.

12. **Giá gộp lãi** là giá của trái phiếu tính vào ngày thanh toán và có bao gồm lãi coupon tích gộp.

13. **Nghị định 155/2020/NĐ-CP** là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

14. **Thông tư 120/2020/TT-BTC** là Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ GIAO DỊCH

Điều 3. Quy tắc chung

1. SGDCK tổ chức giao dịch đối với các loại chứng khoán sau đây:

- a) Cổ phiếu;
- b) Chứng chỉ quỹ đóng;
- c) Chứng chỉ quỹ ETF;
- d) Trái phiếu;
- đ) Chứng quyền có bảo đảm (sau đây viết tắt là chứng quyền);

e) Các loại chứng khoán khác sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây viết tắt là UBCKNN).

2. Chứng khoán niêm yết tại SGDCK được giao dịch thông qua hệ thống giao dịch của SGDCK, ngoại trừ các trường hợp chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

3. Thành viên phải tuân thủ Quy chế này, Quy chế thành viên giao dịch do SGDCK ban hành và các quy định liên quan khác.

Điều 4. Thời gian giao dịch

1. SGDCK tổ chức giao dịch chứng khoán từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định của Bộ luật Lao động.

2. Thời gian giao dịch áp dụng tại SGDCK được quy định như sau:

Phiên	Phương thức giao dịch	Giờ giao dịch
Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền		
Phiên sáng	Khớp lệnh định kỳ mở cửa	09h00' - 09h15'
	Khớp lệnh liên tục I	09h15' - 11h30'
	Giao dịch thỏa thuận	09h00' - 11h30'
<i>Nghỉ trưa</i>		<i>11h30' - 13h00'</i>
Phiên chiều	Khớp lệnh liên tục II	13h00' - 14h30'
	Khớp lệnh định kỳ đóng cửa	14h30' - 14h45'
	Giao dịch thỏa thuận	13h00' - 15h00'
Trái phiếu		
Phiên sáng	Giao dịch thỏa thuận	09h00' - 11h30'
<i>Nghỉ trưa</i>		<i>11h30' - 13h00'</i>
Phiên chiều	Giao dịch thỏa thuận	13h00' - 15h00'
Thị trường đóng cửa		15h00'

Điều 5. Tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động giao dịch

1. SGDCK tạm ngừng, đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoặc khôi phục hoạt động giao dịch trong các trường hợp:

a) Để thực hiện hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố, sự kiện, biến động ảnh hưởng đến an toàn, ổn định và tính toàn vẹn của thị trường chứng khoán quy định tại Điều 302 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

b) Các trường hợp quy định tại Điều 304 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

c) Các trường hợp quy định tại Điều 29 Quy chế này.

2. SGDCCK căn cứ vào tình hình cụ thể để quyết định thời gian tạm ngừng, đình chỉ và giao dịch trở lại đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này.

3. SGDCCK thực hiện báo cáo UBCKNN về việc tạm ngừng, đình chỉ và giao dịch trở lại quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trước khi chính thức công bố.

Điều 6. Tổ chức giao dịch

1. Phương thức khớp lệnh

SGDCCK tổ chức giao dịch chứng khoán thông qua hệ thống giao dịch theo phương thức giao dịch khớp lệnh tập trung và phương thức giao dịch thỏa thuận.

Phương thức khớp lệnh tập trung bao gồm: Khớp lệnh định kỳ và khớp lệnh liên tục.

2. Nguyên tắc xác định giá trong phương thức khớp lệnh định kỳ:

a) Là mức giá thực hiện mà tại đó khối lượng giao dịch đạt lớn nhất và tất cả các lệnh mua có mức giá cao hơn, lệnh bán có mức giá thấp hơn giá được chọn phải được thực hiện hết;

b) Trường hợp có nhiều mức giá thỏa mãn điểm a Khoản này, mức giá được lựa chọn thực hiện là mức giá tại đó lệnh của một bên phải được thực hiện hết, các lệnh của bên đối ứng phải được thực hiện hết hoặc một phần;

c) Trường hợp có nhiều mức giá thỏa mãn điểm b Khoản này, mức giá được chọn là mức giá trùng hoặc gần với mức giá thực hiện gần nhất trong ngày; trường hợp không có giá thực hiện, mức giá được chọn là mức giá trùng hoặc gần với giá tham chiếu.

d) Trường hợp không có mức giá nào thỏa mãn điểm b Khoản này, mức giá được chọn là mức giá thỏa mãn điểm a Khoản này và trùng hoặc gần với giá thực hiện gần nhất trong ngày; trường hợp không có giá thực hiện, mức giá được chọn là mức giá trùng hoặc gần với giá tham chiếu.

3. Nguyên tắc xác định giá trong phương thức khớp lệnh liên tục: Là mức giá của các lệnh giới hạn đối ứng đang nằm chờ trên sổ lệnh.

4. Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền được giao dịch theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận.

5. Trái phiếu được giao dịch theo phương thức thỏa thuận.

Điều 7. Nguyên tắc khớp lệnh giao dịch

Hệ thống giao dịch của SGDCK thực hiện so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên về giá và thời gian như sau:

1. Ưu tiên về giá:

a) Lệnh mua có mức giá cao hơn được ưu tiên thực hiện trước;

b) Lệnh bán có mức giá thấp hơn được ưu tiên thực hiện trước.

2. Ưu tiên về thời gian: Trường hợp các lệnh mua hoặc lệnh bán có cùng mức giá thì lệnh nhập vào hệ thống giao dịch trước sẽ được ưu tiên thực hiện trước.

Điều 8. Đơn vị giao dịch và đơn vị yết giá

1. Đơn vị giao dịch lô chẵn đối với giao dịch khớp lệnh là 100 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền. Mỗi lệnh giao dịch lô chẵn không được vượt quá khối lượng tối đa là 500.000 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền.

2. Đơn vị giao dịch lô lẻ đối với giao dịch thỏa thuận là 1 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền. Khối lượng giao dịch lô lẻ lớn hơn hoặc bằng 20.000 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền.

3. Đối với giao dịch trái phiếu: Không quy định đơn vị giao dịch.

4. Đơn vị yết giá được quy định như sau:

a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh:

- Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng:

Mức giá	Đơn vị yết giá
<10.000	10 đồng
10.000 - 49.950	50 đồng
≥ 50.000	100 đồng

- Đối với chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền: Áp dụng đơn vị yết giá 10 đồng cho tất cả các mức giá.

b) Đơn vị yết giá đối với giao dịch thỏa thuận là 1 đồng.

Điều 9. Cách xác định giá trần, giá sàn và biên độ dao động giá

1. Giá trần/sàn trong ngày giao dịch của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF và chứng quyền được tính toán theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và làm tròn xuống đối với giá trần, làm tròn lên đối với giá sàn theo đơn vị yết giá. Không giới hạn giá trần, giá sàn trong ngày đối với giao dịch trái phiếu.

2. Giá trần/sàn trong ngày giao dịch của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF được xác định như sau:

Giá trần = Giá tham chiếu + (Giá tham chiếu x Biên độ dao động giá trần)

Giá sàn = Giá tham chiếu - (Giá tham chiếu x Biên độ dao động giá sàn).

3. Giá trần/sàn trong ngày giao dịch đầu tiên và ngày giao dịch thông thường của chứng quyền mua dựa trên chứng khoán cơ sở là cổ phiếu được xác định như sau:

Giá trần = Giá tham chiếu chứng quyền + (giá trần của cổ phiếu cơ sở - Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở) x 1/Tỷ lệ chuyển đổi

Giá sàn = Giá tham chiếu chứng quyền - (giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở - giá sàn cổ phiếu cơ sở) x 1/Tỷ lệ chuyển đổi

Trường hợp giá sàn của chứng quyền nhỏ hơn hoặc bằng không (0), giá sàn sẽ là đơn vị yết giá nhỏ nhất bằng 10 đồng.

4. Trong trường hợp giá trần hoặc giá sàn của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này bằng với giá tham chiếu, giá trần và giá sàn sẽ được thực hiện điều chỉnh như sau:

Giá trần điều chỉnh = Giá tham chiếu + một đơn vị yết giá

Giá sàn điều chỉnh = Giá tham chiếu - một đơn vị yết giá.

5. Trong trường hợp giá sàn điều chỉnh quy định tại khoản 4 Điều này nhỏ hơn hoặc bằng không (0), giá sàn sẽ được điều chỉnh bằng giá tham chiếu.

6. Biên độ dao động giá (bao gồm biên độ dao động giá trần và biên độ dao động giá sàn) trong ngày giao dịch tại khoản 2 Điều này đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF được quy định là $\pm 7\%$ so với giá tham chiếu.

7. Biên độ dao động giá quy định tại khoản 6 Điều này không áp dụng đối với một số trường hợp sau:

a) Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF mới niêm yết;

b) Ngày đầu tiên cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF được giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng giao dịch trên hai mươi lăm (25) ngày.

Điều 10. Cách xác định giá tham chiếu

1. Giá tham chiếu của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền đang giao dịch là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước đó.
2. Trường hợp cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền mới được niêm yết, trong ngày giao dịch đầu tiên, giá tham chiếu được xác định theo Điều 11 Quy chế này.
3. Trường hợp giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF không được hưởng cổ tức hoặc các quyền kèm theo, giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất điều chỉnh theo giá trị cổ tức được nhận hoặc giá trị các quyền kèm theo.
4. SGDCK không thực hiện điều chỉnh giá tham chiếu trong các trường hợp sau:
 - a) Phát hành thêm cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng với giá phát hành lớn hơn hoặc bằng giá đóng cửa của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng trước ngày giao dịch không hưởng quyền sau khi đã điều chỉnh các quyền khác (nếu có).
 - b) Phát hành trái phiếu chuyển đổi (kể cả phát hành cho cổ đông hiện hữu), phát hành chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán cho nhà đầu tư không phải cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty, phát hành cổ phiếu bổ sung theo phương án hoán đổi từ các giao dịch sáp nhập, trả cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu, chào bán cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp phát hành khác không ảnh hưởng đến quyền của cổ đông hiện hữu.
 - c) Tổ chức niêm yết thực hiện giảm vốn điều lệ.
5. Trường hợp tách hoặc gộp cổ phiếu, giá tham chiếu tại ngày giao dịch trở lại được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch trước ngày tách, gộp điều chỉnh theo tỷ lệ tách, gộp cổ phiếu.
6. Trong một số trường hợp cần thiết, SGDCK có thể áp dụng phương thức xác định giá tham chiếu khác sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

Điều 11. Xác định giá và biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền, trái phiếu mới niêm yết

1. Việc xác định giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền mới niêm yết trong ngày giao dịch đầu tiên được quy định như sau:
 - a) Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, tổ chức niêm yết và tổ chức tư vấn niêm yết (nếu có) phải đưa ra mức giá dự kiến để làm giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên.

Đối với chứng quyền mua dựa trên chứng khoán cơ sở là cổ phiếu, giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định như sau:

Giá tham chiếu của chứng quyền mua = Giá phát hành của chứng quyền x (Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở vào ngày giao dịch đầu tiên của chứng quyền/ Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở tại ngày thông báo phát hành chứng quyền) x (Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày thông báo phát hành chứng quyền /Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày giao dịch đầu tiên).

b) Biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF trong ngày giao dịch đầu tiên là +/-20% so với giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên.

c) Giá đóng cửa trong ngày giao dịch đầu tiên sẽ là giá tham chiếu cho ngày giao dịch kế tiếp. Biên độ dao động giá quy định tại Điều 9 Quy chế này được áp dụng từ ngày giao dịch kế tiếp.

d) Nếu trong ba (03) ngày giao dịch đầu tiên, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF mới niêm yết vẫn chưa có giá đóng cửa, tổ chức niêm yết phải xác định lại giá tham chiếu.

2. Không quy định mức giá tham chiếu dự kiến, biên độ dao động giá đối với trái phiếu mới niêm yết trong ngày giao dịch đầu tiên.

3. Không cho phép giao dịch thỏa thuận cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền trong ngày giao dịch đầu tiên.

Điều 12. Xác định giá và biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền được giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng giao dịch trên hai mươi lăm (25) ngày giao dịch

1. Đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, được giao dịch trở lại sau khi bị tạm ngừng giao dịch trên hai mươi lăm (25) ngày giao dịch, biên độ dao động giá trong ngày giao dịch đầu tiên là +/-20% so với giá tham chiếu trong ngày đầu tiên được giao dịch trở lại.

2. Giá đóng cửa trong ngày giao dịch đầu tiên sau khi được giao dịch trở lại sẽ là giá tham chiếu cho ngày giao dịch kế tiếp. Biên độ dao động giá quy định tại Điều 9 Quy chế này được áp dụng từ ngày giao dịch kế tiếp.

3. Nếu trong ba (03) ngày đầu tiên sau khi giao dịch trở lại, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, được giao dịch trở lại vẫn chưa có giá đóng cửa, SGDCK sẽ xem xét điều chỉnh biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

4. Đối với chứng quyền mua, giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên sau khi bị tạm ngừng giao dịch trên hai mươi lăm (25) ngày giao dịch được xác định như sau:

Giá tham chiếu của chứng quyền mua = Giá đóng cửa của chứng quyền vào ngày giao dịch liền trước ngày tạm ngừng giao dịch x (Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở vào ngày giao dịch đầu tiên của chứng quyền sau khi giao dịch trở lại/ Giá tham chiếu của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao

dịch liền trước ngày tạm ngừng giao dịch) x (Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày giao dịch liền trước ngày tạm ngừng giao dịch chứng quyền/ Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày giao dịch đầu tiên của chứng quyền sau khi giao dịch trở lại).

Điều 13. Xác định giá và biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với trường hợp trả cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu hoặc chào bán cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu

1. Trường hợp trả cổ tức/thưởng bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu:

a) Biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng trong ngày giao dịch không hưởng quyền là $\pm 20\%$ so với giá tham chiếu.

b) Giá đóng cửa trong ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ là giá tham chiếu cho ngày giao dịch kế tiếp. Biên độ dao động giá quy định tại Điều 9 Quy chế này được áp dụng từ ngày giao dịch kế tiếp.

c) Nếu trong ba (03) ngày đầu tiên sau ngày giao dịch không hưởng quyền, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng vẫn chưa có giá đóng cửa, SGDCK sẽ xem xét điều chỉnh biên độ dao động giá của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN.

2. Trường hợp chào bán cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu: Không thực hiện điều chỉnh biên độ dao động giá vào ngày giao dịch không hưởng quyền.

Điều 14. Lệnh giao dịch

1. Lệnh giới hạn:

a) Là lệnh mua hoặc lệnh bán chứng khoán tại một mức giá xác định hoặc tốt hơn;

b) Lệnh giới hạn có hiệu lực kể từ khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch cho đến lúc kết thúc ngày giao dịch hoặc cho đến khi lệnh bị hủy bỏ.

c) Lệnh giới hạn được phép nhập vào hệ thống giao dịch trong thời gian khớp lệnh liên tục và khớp lệnh định kỳ.

2. Lệnh thị trường:

a) Là lệnh mua chứng khoán tại mức giá bán thấp nhất hoặc lệnh bán chứng khoán tại mức giá mua cao nhất hiện có trên thị trường.

b) Nếu sau khi so khớp lệnh theo nguyên tắc tại điểm a khoản này mà khối lượng đặt lệnh của lệnh thị trường vẫn chưa được thực hiện hết thì lệnh thị trường sẽ được xem là lệnh mua tại mức giá bán cao hơn hoặc lệnh bán tại mức giá mua thấp hơn tiếp theo hiện có trên thị trường và tiếp tục so khớp.

c) Nếu khối lượng đặt lệnh của lệnh thị trường vẫn còn sau khi giao dịch theo nguyên tắc tại điểm b khoản này và không thể tiếp tục khớp được nữa thì lệnh thị trường sẽ được chuyển thành lệnh giới hạn mua tại mức giá cao hơn một đơn vị yết giá so với giá thực hiện cuối cùng trước đó hoặc lệnh giới hạn bán tại mức giá thấp hơn một đơn vị yết giá so với giá thực hiện cuối cùng trước đó.

Trường hợp giá thực hiện cuối cùng là giá trần đối với lệnh thị trường mua hoặc giá sàn đối với lệnh thị trường bán thì lệnh thị trường sẽ được chuyển thành lệnh giới hạn mua tại giá trần hoặc lệnh giới hạn bán tại giá sàn.

d) Lệnh thị trường sẽ bị hủy bỏ khi không có lệnh giới hạn đối ứng tại thời điểm nhập lệnh vào hệ thống giao dịch.

đ) Lệnh thị trường được nhập vào hệ thống giao dịch trong thời gian khớp lệnh liên tục.

3. Lệnh giao dịch tại mức khớp lệnh xác định giá mở cửa (viết tắt là ATO):

a) Là lệnh mua hoặc bán chứng khoán được hệ thống giao dịch ghi nhận giá đặt lệnh theo nguyên tắc sau:

- Nếu chỉ có lệnh ATO trên sổ lệnh:

+ Là giá tham chiếu nếu trên sổ lệnh chỉ có lệnh mua ATO hoặc lệnh bán ATO hoặc tổng khối lượng lệnh bên mua bằng tổng khối lượng lệnh bên bán.

+ Là mức giá cao hơn một đơn vị yết giá so với giá tham chiếu nếu tổng khối lượng lệnh bên mua lớn hơn tổng khối lượng lệnh bên bán.

+ Là mức giá thấp hơn một đơn vị yết giá so với giá tham chiếu nếu tổng khối lượng lệnh bên bán lớn hơn tổng khối lượng lệnh bên mua. Nếu mức giá được xác định này thấp hơn mức giá sàn thì hệ thống giao dịch ghi nhận là giá sàn.

- Nếu có lệnh giới hạn trên sổ lệnh:

+ Giá của lệnh ATO mua được xác định là giá cao nhất trong ba (03) mức giá sau: Giá mua cao nhất cộng một (01) đơn vị yết giá (nếu mức giá này cao hơn mức giá trần thì được xác định là giá trần), giá bán cao nhất của bên đối ứng và giá tham chiếu.

+ Giá của lệnh ATO bán được xác định là giá thấp nhất trong ba (03) mức giá sau: Giá bán thấp nhất trừ một (01) đơn vị yết giá (nếu mức giá này thấp hơn mức giá sàn thì được xác định là giá sàn), giá mua thấp nhất của bên đối ứng và giá tham chiếu.

b) Lệnh ATO được nhập vào hệ thống trong thời gian khớp lệnh định kỳ để xác định giá mở cửa. Sau thời điểm xác định giá mở cửa, lệnh không được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh không được thực hiện hết sẽ tự động bị hủy.

c) Lệnh ATO được ưu tiên trước lệnh giới hạn trong khi so khớp lệnh.

4. Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá đóng cửa (viết tắt là ATC):

a) Là lệnh mua hoặc bán chứng khoán được hệ thống giao dịch ghi nhận giá đặt lệnh theo nguyên tắc sau :

- Nếu chỉ có lệnh ATC trên sổ lệnh:

+ Là giá thực hiện gần nhất hoặc là giá tham chiếu (trường hợp không có giá thực hiện gần nhất) nếu trên sổ lệnh chỉ có lệnh mua ATC hoặc lệnh bán ATC hoặc tổng khối lượng lệnh bên mua bằng tổng khối lượng lệnh bên bán.

+ Là mức giá cao hơn một đơn vị yết giá so với giá thực hiện gần nhất trước đó nếu tổng khối lượng lệnh bên mua lớn hơn tổng khối lượng lệnh bên bán; Nếu mức giá được xác định này cao hơn mức giá trần thì hệ thống giao dịch ghi nhận là giá trần.

+ Là mức giá thấp hơn một đơn vị yết giá so với giá thực hiện gần nhất trước đó nếu tổng khối lượng lệnh bên bán lớn hơn tổng khối lượng lệnh bên mua; Nếu mức giá được xác định này thấp hơn mức giá sàn thì hệ thống giao dịch ghi nhận là giá sàn.

- Nếu có lệnh giới hạn trên sổ lệnh:

+ Giá của lệnh ATC mua được xác định là giá cao nhất trong ba (03) mức giá sau: Giá mua cao nhất cộng một (01) đơn vị yết giá (nếu mức giá này cao hơn mức giá trần thì được xác định là giá trần), giá bán cao nhất của bên đối ứng, giá thực hiện gần nhất hoặc giá tham chiếu trong trường hợp không có giá thực hiện gần nhất.

+ Giá của lệnh ATC bán được xác định là giá thấp nhất trong ba (03) mức giá sau: Giá bán thấp nhất trừ một (01) đơn vị yết giá (nếu mức giá này thấp hơn mức giá sàn thì được xác định là giá sàn), giá mua thấp nhất của bên đối ứng, giá thực hiện gần nhất hoặc giá tham chiếu trong trường hợp không có giá thực hiện gần nhất.

b) Lệnh ATC được nhập vào hệ thống trong thời gian khớp lệnh định kỳ để xác định giá đóng cửa. Sau thời điểm xác định giá đóng cửa, lệnh không được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh không được thực hiện hết sẽ tự động bị hủy.

c) Lệnh ATC được ưu tiên trước lệnh giới hạn trong khi so khớp lệnh.

Điều 15. Nội dung của lệnh giao dịch

1. *Lệnh giới hạn* nhập vào hệ thống giao dịch bao gồm các nội dung sau:

a) Lệnh mua, lệnh bán;

b) Mã chứng khoán;

c) Số lượng;

d) Giá;

đ) Số hiệu tài khoản của nhà đầu tư;

e) Ký hiệu lệnh giao dịch theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

2. *Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá mở cửa* của chứng khoán nhập vào hệ thống giao dịch có nội dung như lệnh giới hạn, nhưng không ghi mức giá mà ghi là ATO.

3. *Lệnh giao dịch tại mức giá khớp lệnh xác định giá đóng cửa* của chứng khoán nhập vào hệ thống giao dịch có nội dung như lệnh giới hạn, nhưng không ghi mức giá mà ghi là ATC.

4. *Lệnh thị trường* nhập vào hệ thống giao dịch có nội dung như lệnh giới hạn nhưng không ghi mức giá mà ghi là MP.

Điều 16. Ký hiệu lệnh giao dịch

Các ký hiệu lệnh giao dịch đối với lệnh nhập vào hệ thống giao dịch bao gồm:

Ký hiệu lệnh	Loại khách hàng
P	- Thành viên (là công ty chứng khoán trong nước) tự doanh.
C	- Nhà đầu tư trong nước lưu ký tại Thành viên.
F	- Nhà đầu tư nước ngoài lưu ký tại Thành viên, tổ chức lưu ký trong nước hoặc tổ chức lưu ký nước ngoài; - Tổ chức lưu ký nước ngoài tự doanh; - Thành viên (là công ty chứng khoán nước ngoài) tự doanh.
M	- Nhà đầu tư trong nước lưu ký tại tổ chức lưu ký trong nước hoặc tại tổ chức lưu ký nước ngoài; - Tổ chức lưu ký trong nước tự doanh.

Điều 17. Sửa, hủy lệnh đối với giao dịch khớp lệnh

1. Việc sửa, hủy lệnh giao dịch khớp lệnh chỉ có hiệu lực đối với lệnh chưa thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh chưa được thực hiện.

2. Trong thời gian khớp lệnh định kỳ: Không được phép sửa, hủy lệnh (bao gồm cả các lệnh được chuyển từ đợt khớp lệnh liên tục sang).

3. Trong thời gian khớp lệnh liên tục: Được phép sửa, hủy lệnh. Việc sửa lệnh được thực hiện bằng cách hủy lệnh sai và nhập lại lệnh đúng. Thứ tự ưu tiên của lệnh được tính kể từ khi lệnh đúng được nhập vào hệ thống giao dịch của SGDCK.
4. Thành viên chịu trách nhiệm về việc sửa, hủy lệnh giao dịch của nhà đầu tư quy định tại Điều này.
5. Trong trường hợp cần thiết, SGDCK có quyền yêu cầu Thành viên tạm ngừng việc sửa, hủy lệnh trong thời gian khớp lệnh liên tục sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 18. Quảng cáo giao dịch thỏa thuận

1. Trong thời gian giao dịch thỏa thuận, Thành viên được nhập lệnh quảng cáo mua bán chứng khoán theo phương thức giao dịch thỏa thuận trên hệ thống giao dịch.
2. Nội dung quảng cáo giao dịch thỏa thuận trên hệ thống giao dịch bao gồm:
 - a) Mã chứng khoán;
 - b) Giá quảng cáo;
 - c) Khối lượng;
 - d) Lệnh chào mua hoặc chào bán;
 - đ) Số điện thoại liên hệ.

Điều 19. Thực hiện giao dịch thỏa thuận

1. Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền lô lớn giao dịch theo phương thức thỏa thuận trong thời gian quy định.
2. Giao dịch thỏa thuận cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF, chứng quyền phải tuân theo quy định về biên độ dao động giá trong ngày và quy định về giá trần, giá sàn tại Điều 9.
3. Giá thực hiện giao dịch thỏa thuận trái phiếu là giá gộp lãi.

Điều 20. Sửa, hủy giao dịch thỏa thuận

1. Giao dịch thỏa thuận trên hệ thống giao dịch không được phép hủy bỏ.
2. Trong trường hợp nhập sai giao dịch thỏa thuận, Thành viên được phép sửa giao dịch thỏa thuận theo quy trình sửa lỗi giao dịch thỏa thuận do SGDCK ban hành.

Điều 21. Quy định trong thời gian nghỉ giữa các phiên giao dịch (phiên sáng - phiên chiều)

Trong thời gian nghỉ giữa hai phiên sáng - chiều, Thành viên không được phép:

1. Nhập lệnh, sửa, hủy lệnh của giao dịch khớp lệnh;
2. Quảng cáo giao dịch thỏa thuận, hủy quảng cáo giao dịch thỏa thuận;
3. Thực hiện giao dịch thỏa thuận, hủy giao dịch thỏa thuận.

Điều 22. Xác lập và hủy bỏ giao dịch

1. Giao dịch chứng khoán được xác lập khi hệ thống giao dịch thực hiện khớp lệnh mua và lệnh bán theo phương thức khớp lệnh tập trung hoặc ghi nhận giao dịch theo phương thức thỏa thuận.
2. Trong trường hợp giao dịch đã được xác lập vi phạm quy định giao dịch hoặc làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của các nhà đầu tư hoặc toàn bộ giao dịch trên thị trường, SGDCK có thể công nhận hoặc hủy bỏ giao dịch sau khi báo cáo UBCKNN.
3. Trong trường hợp tạm ngừng, đình chỉ giao dịch theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 5 Quy chế này, SGDCK căn cứ tình hình cụ thể để quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả giao dịch.

Điều 23. Kiểm soát giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài

1. Hệ thống giao dịch kiểm soát và công bố khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài còn được phép mua theo nguyên tắc:

a) Trong thời gian giao dịch khớp lệnh:

- Khối lượng mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài được trừ vào khối lượng còn được phép mua ngay sau khi lệnh mua được thực hiện;
- Khối lượng bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài được cộng vào khối lượng còn được phép mua ngay sau khi kết thúc việc thanh toán giao dịch;
- Lệnh mua hoặc một phần lệnh mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng của nhà đầu tư nước ngoài chưa được thực hiện sẽ tự động bị hủy nếu khối lượng còn được phép mua đã hết và lệnh mua được nhập tiếp vào hệ thống giao dịch sẽ không được chấp nhận.

b) Trong thời gian giao dịch thỏa thuận:

- Khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được giảm xuống ngay sau khi giao dịch thỏa thuận được thực hiện nếu giao dịch đó là giữa một nhà đầu tư nước ngoài mua với một nhà đầu tư trong nước bán;

- Khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được tăng lên ngay sau khi kết thúc việc thanh toán giao dịch nếu giao dịch đó là giữa một nhà đầu tư nước ngoài bán với một nhà đầu tư trong nước mua;

- Khối lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài sẽ không thay đổi nếu giao dịch thỏa thuận được thực hiện giữa hai nhà đầu tư nước ngoài với nhau. Hệ thống cho phép giao dịch thỏa thuận giữa hai nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện trong trường hợp khối lượng còn được phép mua của nhà đầu tư nước ngoài bằng không (0).

2. Hệ thống giao dịch hiển thị thông tin chào mua của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng theo nguyên tắc như sau:

a) Lệnh mua của nhà đầu tư nước ngoài được cộng vào khối lượng mua của toàn thị trường tại từng mức giá, từ mức giá có thứ tự ưu tiên cao nhất đến mức giá có thứ tự ưu tiên thấp nhất.

b) Hệ thống giao dịch cập nhật thông tin chào mua của nhà đầu tư nước ngoài và điều chỉnh việc hiển thị mỗi khi lệnh mua của nhà đầu tư nước ngoài được nhập vào hệ thống hoặc bị hủy bỏ.

3. Nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam liên quan đến giao dịch chứng khoán.

Nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ của tổ chức niêm yết có tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài vượt tỷ lệ sở hữu tối đa theo quy định pháp luật khi giao dịch chứng khoán phải tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Thành viên có trách nhiệm kiểm soát các giao dịch thỏa thuận của nhà đầu tư nước ngoài để đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

4. Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam tính toán và cung cấp cho SGDCK khối lượng chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài còn được phép mua trong mỗi ngày giao dịch theo các quy trình và thỏa thuận làm việc giữa hai cơ quan.

Điều 24. Tổ chức niêm yết giao dịch cổ phiếu của chính mình

1. Tổ chức niêm yết bán ra cổ phiếu của chính mình đã mua trước ngày 01/01/2021: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 310 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và khoản 3 Điều 8 Thông tư 120/2020/TT-BTC.

2. Tổ chức niêm yết mua lại cổ phiếu của chính mình sau ngày 01/01/2021: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư 120/2020/TT-BTC.

3. Tổ chức niêm yết giao dịch bán ra cổ phiếu của chính mình (số cổ phiếu này mua sau thời điểm 01/01/2021) trên hệ thống giao dịch của SGDCK phải tuân thủ các quy định về thời gian giao dịch, biên độ dao động giá, đơn vị yết giá, đơn vị giao dịch, các loại lệnh và các quy định giao dịch khác như các giao dịch thông thường.

Điều 25. Các ký hiệu giao dịch không hưởng quyền

Vào các ngày giao dịch không hưởng quyền, SGDCK sẽ công bố các ký hiệu giao dịch sau đây trên hệ thống giao dịch và trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK đối với các loại chứng khoán như sau:

Ký hiệu	Diễn giải
XD	Giao dịch không hưởng cổ tức bằng tiền của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF.
XR	Giao dịch không hưởng quyền mua, quyền nhận cổ phiếu thưởng, quyền được chia cổ tức bằng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF.
XA	Trường hợp XD và XR của cùng một cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng, chứng chỉ quỹ ETF xảy ra trong cùng một ngày giao dịch.
XI	Giao dịch không hưởng lãi trái phiếu.

Điều 26. Giá thanh toán vào ngày đáo hạn của chứng quyền

SGDCK thực hiện tính toán và công bố giá thanh toán vào ngày đáo hạn của chứng quyền. Cách xác định giá thanh toán chứng quyền được quy định tại Quy chế niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có đảm bảo tại SGDCK.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ CẢNH BÁO, KIỂM SOÁT, TẠM NGỪNG, ĐÌNH CHỈ, HỦY BỎ NIÊM YẾT ĐỐI VỚI CÁC CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

Điều 27. Cảnh báo đối với chứng khoán niêm yết

Chứng khoán thuộc diện bị cảnh báo theo quy định tại quy chế niêm yết chứng khoán được thể hiện bằng ký hiệu cảnh báo “DS” trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK.

Điều 28. Kiểm soát, hạn chế giao dịch đối với chứng khoán niêm yết

1. Chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát theo quy định tại quy chế niêm yết chứng khoán được thể hiện bằng ký hiệu kiểm soát “C” trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK.

Chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát sẽ bị hạn chế về thời gian giao dịch cho đến khi có thông báo khác của SGDCK. Trong thời gian bị hạn chế giao dịch, chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát chỉ được giao dịch vào phiên chiều của ngày giao dịch theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận.

2. Chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát đặc biệt theo quy định tại quy chế niêm yết chứng khoán được thể hiện bằng ký hiệu “UC” trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK.

Chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát đặc biệt chỉ được giao dịch vào phiên chiều của ngày giao dịch theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận.

Điều 29. Tạm ngừng, đình chỉ giao dịch của chứng khoán niêm yết

1. SGDCK có thể quyết định tạm ngừng hoặc đình chỉ giao dịch đối với một hoặc một số mã chứng khoán niêm yết theo quy định tại quy chế niêm yết chứng khoán.
2. Trường hợp việc tạm ngừng hoặc đình chỉ giao dịch không quá một (01) ngày giao dịch, ký hiệu tạm ngừng hoặc đình chỉ giao dịch trên hệ thống giao dịch và trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK là “H”.
3. Trường hợp việc tạm ngừng hoặc đình chỉ giao dịch từ hai (02) ngày giao dịch trở lên, ký hiệu tạm ngừng hoặc đình chỉ giao dịch trên hệ thống giao dịch và trên các phương tiện công bố thông tin của SGDCK là “S”.
4. Chứng khoán tạm ngừng hoặc đình chỉ giao dịch sẽ được SGDCK cho phép giao dịch trở lại sau khi đáp ứng quy định tại quy chế niêm yết chứng khoán.

Điều 30. Hủy bỏ niêm yết chứng khoán

1. Trường hợp chứng khoán thuộc diện hủy bỏ niêm yết tự nguyện hoặc chứng khoán thuộc diện hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo quy định tại quy chế niêm yết chứng khoán, SGDCK sẽ thực hiện hủy bỏ niêm yết đối với mã chứng khoán đó trên hệ thống giao dịch.
2. Chứng khoán thuộc diện hủy bỏ niêm yết được thể hiện bằng ký hiệu “D” trên hệ thống giao dịch.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. SGDCK thực hiện giám sát việc tuân thủ Quy chế này của các Thành viên.
2. SGDCK chịu trách nhiệm xây dựng các Quy chế làm việc và quy trình nghiệp vụ phù hợp với quy định của Quy chế này.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng Giám đốc SGDCK quyết định sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN và được Hội đồng quản trị SGDCK thông qua.